

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 5 - 2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đức Thành

Bà Vũ Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Dương Thị Ngọc N, sinh năm 1991; nơi thường trú: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nơi ở hiện tại: tổ H, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1982; nơi thường trú: thôn A, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc N trình bày:

Về tình cảm: chị Dương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị về sinh sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian chung sống khá hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Hai người từng nhiều lần nói chuyện, gia đình hai bên cũng tiến hành hòa giải

nhưng không đạt kết quả, cả hai đã ly thân từ năm 2022, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

Về con chung: chị Dương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức Đ có 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cả hai con chung đều đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Quan điểm về con chung sau ly hôn của chị N: chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị N trình bày chị và anh Đ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Đức Đ trình bày:

Về tình cảm: anh thừa nhận quá trình kết hôn giữa anh và chị Dương Thị Ngọc N đúng như chị N trình bày. Anh cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn giống như chị N đã nêu. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị N, nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh Nguyễn Đức Đ và chị Dương Thị Ngọc N có 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020. Quan điểm về con chung sau ly hôn của anh Đ: anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020, chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không ai phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ trình bày anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25/02/2025, cháu Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ và em trai.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 02 năm 2025 tại thôn A, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, ông Nguyễn Văn C - Trưởng thôn cho biết: Địa phương được biết khi đi làm ăn trong miền N, anh Nguyễn Đức Đ có kết hôn với chị Dương Thị Ngọc N tại huyện H, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn anh Đ và chị N không sinh sống ở địa phương mà sống ở khu vực miền N. Cuộc sống hôn nhân của hai người như thế nào địa phương không nắm được, tuy nhiên hiện tại anh Đ đã một mình trở về sinh sống tại thôn A, xã S, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị Dương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức Đ có 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020. Nếu anh Đ và chị N không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao con cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và công nợ chung của anh Nguyễn Đức Đ và chị Dương Thị Ngọc N địa

phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện cơ bản đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 3, căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N: cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ; về con chung: giao 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020 cho chị Dương Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Đức Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đức Đ; bị đơn là anh Đ có nơi thường trú tại thị xã Q, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của đương sự: nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ (lần thứ 3), do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị về sinh sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian chung sống khá hạnh phúc, đến năm 2022 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Hai người từng nhiều lần nói chuyện, gia đình hai bên cũng tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả, cả hai đã ly thân từ năm 2022, không còn quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn giống như chị N đã nêu. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị N, nhưng nếu chị N cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Ngọc N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Dương Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức Đ có 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi hai con chung của chị N và anh Đại sinh ra và lớn lên đều sinh sống tại khu vực M (tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); cả hai cháu đều sống cùng mẹ là chị N. Chị N cũng là người cho đến thời điểm hiện tại đang chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại các đơn trình bày, chị N đều cam đoan hiện tại chị có nơi ăn, ở, tự kinh doanh, buôn bán và đủ thu nhập để nuôi dưỡng hai con mà không cần anh Đ phải cấp dưỡng con chung. Ngoài ra hiện tại các cháu đều ổn định chỗ ăn ở và học tập (có xác nhận của Nhà trường), nên chị hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dạy các con chung để các con phát triển đầy đủ cả về vật chất và tinh thần. Hiện tại cả hai con chung đều đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, nếu giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Về phần anh Nguyễn Đức Đ: mặc dù anh Đ cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020, nhưng trong suốt thời gian từ khi hai người ly thân, anh Đ không quan tâm, chăm sóc con chung, không đóng góp trách nhiệm cùng với chị N trong việc nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra anh cũng không cung cấp được những chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con chung của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: quan điểm về con chung của chị Dương Thị Ngọc N là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật, do đó chấp nhận yêu cầu về con chung của chị N, giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không chấp nhận yêu cầu về con chung của anh Nguyễn Đức Đ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Dương Thị Ngọc N).

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: giao 02 con chung là Nguyễn Dương Đức A, sinh ngày 14/9/2016 và Nguyễn Dương Đức K, sinh ngày 12/9/2020 cho chị Dương Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Đức Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: chị Dương Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002813 ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Phước Hậu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Huy